

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GDCD HKII Khối 6(Từ tiết 1->tiết 4).

-----o0o-----

Bài 12: Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em

Câu 1: Dựa vào kiến thức đã học ở bài trên hãy cho biết những nhóm quyền nào mà trẻ em được hưởng theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

Câu 2: Đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi dưới đây:

Thấm là 1 học sinh lớp 6. Gia đình của Thấm khó khăn nên bố mẹ bàn nhau định cho bạn thôi học sớm để ở nhà phụ mẹ làm ruộng. Thấm rất muốn đi học và đã cố gắng thuyết phục bố mẹ nhưng bố Thấm bảo: “Con gái học nhiều làm gì, ở nhà giúp đỡ bố mẹ mới có cái mà ăn”. Thấm rất buồn nhưng không biết làm gì nữa?

a/ Em có nhận xét gì về câu nói của bố Thấm?

b/ Quyết định của bố mẹ bạn Thấm trong tình huống trên đã vi phạm nhóm quyền trẻ em nào?

c/ Từ đó, hãy cho biết ý nghĩa của công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

Câu 3: Gia đình My có hai chị em, My là chị cả 12 tuổi, dưới My là em trai 10 tuổi. Bố My thường đối xử thiên vị thương em trai của My hơn. Điều này khiến My cảm thấy rất buồn và giận bố. Nếu là bạn của My, em sẽ làm gì?

Bài 13: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Câu 1: Dựa vào thông tin ở mục 2. Nội dung bài học SGK/ trang 34 em hãy cho biết:

a/ Công dân là gì?

b/ Trong những trường hợp sau đây, trường hợp nào trẻ em là công dân Việt Nam?

TH1: Trẻ em khi sinh ra có cả bố và mẹ là công dân Việt Nam

TH2: Trẻ em khi sinh ra có bố là công dân Việt Nam , mẹ là công dân nước ngoài.

TH3: Trẻ em khi sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam , bố là công dân nước ngoài

TH4: Trẻ em bị bỏ rơi ở Việt Nam, không rõ bố, mẹ là ai.

Câu 2: Bố mẹ Duy là người nước ngoài theo gia đình đến Việt Na và làm ăn sinh sống đã lâu. Duy sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Nhiều khi Duy băn khoăn suy nghĩ: “ Mình có phải là công dân Việt Nam hay không? Vì sao?

(Các em HS dựa vào phần gợi ý bên dưới để giải quyết phần bài tập của bài 13)

Điều 14. Căn cứ xác định người có quốc tịch Việt Nam

Người được xác định có quốc tịch Việt Nam, nếu có một trong những căn cứ sau đây:

1. Do sinh ra theo quy định tại các điều 15, 16 và 17 của Luật này;
2. Được nhập quốc tịch Việt Nam;
3. Được trở lại quốc tịch Việt Nam;
4. Theo quy định tại các điều 18, 35 và 37 của Luật này;
5. Theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 15. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là công dân Việt Nam

Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam.

Điều 16. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam

1. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.

Điều 17. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là người không quốc tịch

1. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

Điều 18. Quốc tịch của trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam

1. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

HẾT!